

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HOÁ
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-02-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoàn;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Hưng;
2. Bà Trương Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Bích Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị N, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh T, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Hà Công Q, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh T, vắng mặt, phiên tòa triệu tập lần thứ 02.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Công Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân và không bị ai cưỡng ép lừa dối kết hôn, đã đăng ký kết hôn ngày 13/9/2002 tại UBND xã Y, huyện C, tỉnh T. Sau khi kết hôn anh chị

chung sống cùng gia đình chồng tại Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh T. Ngay sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi chửi nhau, anh Q hay uống rượu, khi say rượu thì gây sự cãi nhau và đánh đập chị. Đến năm 2013 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nguyên nhân là do anh Q không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị và anh Q thường xuyên xảy ra cãi vã, xô sát. Mâu thuẫn vợ chồng đã được chi hội phụ nữ tổ chức hòa giải, vì thương con nên chị đã tiếp tục chung sống nhưng anh Q không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng vào năm 2016, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và ly thân với anh Q từ đó đến nay, không còn quan hệ tình cảm và kinh tế với anh Q. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Công Q.

- Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là Hà Công T, sinh ngày 23/02/2003. Cháu T đã đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Hà Công Q đến để giải quyết việc chị N đề nghị ly hôn nhưng anh Q đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh Q vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh T. Theo lời khai của ông Hà Công T1 (bố đẻ của anh Hà Công Q) thì anh Hà Công Q và chị Vũ Thị N được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến kết hôn, không bị ai cưỡng ép, lừa dối kết hôn. Ông có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán cho chị N và anh Q. Năm 2002 chị N và anh Q đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Y, huyện C, tỉnh T. Sau ngày cưới, chị N và anh Q sinh sống tại thôn B, xã Y, huyện C. Cuộc sống hằng ngày chị N và anh Q không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên từ năm 2018 đến nay chị N chỉ thỉnh thoảng về nhà, không sinh sống tại nhà, chỉ về nhà trong chốc lát rồi lại đi xa. Chị N và anh Q đều đi làm ăn xa, cuộc sống vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Ông nghe dư luận nói là chị N có quan hệ tình cảm với người khác. Ông nhận thấy cuộc sống vợ chồng chị N và anh Q sống không hạnh phúc và không thể tiếp tục chung sống. Quá trình chung sống anh chị có 01 người con chung tên là Hà Công T, sinh năm 2003. Anh Q có biết việc chị N xin ly hôn với anh, anh Q có nói là nhất trí ly hôn vì không còn tình cảm nhưng do điều kiện công việc nên anh không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị N, anh Q đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của

nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, áp dụng các Điều 51, 53, 56 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Vũ Thị N. Cho chị Vũ Thị N được ly hôn với anh Hà Công Q.

- Về con chung: Cháu Hà Công T, sinh ngày 23/02/2003 đến ngày xét xử đã đủ 18 tuổi, có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ khả năng lao động nên không phải xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung chị Vũ Thị N không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Vũ Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết ly hôn với anh Hà Công Q; anh Hà Công Q có hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh T. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Hà Công Q có hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh T. Anh Q thường xuyên đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh Q đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập, gia đình anh Q đã thông báo cho anh Q nhưng anh Q không đến Tòa án và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Hà Công Q vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Vũ Thị

N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Hà Công Q có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 13/9/2002 tại UBND xã Y, huyện C, tỉnh T nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung ngay thời gian đầu đã không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi, chửi nhau, anh Q không tu trí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Do cả hai không cùng chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và đã ly thân từ năm 2016 nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị N, anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị N là xử cho chị N được ly hôn với anh Hà Công Q.

[2.2] Về con chung: Chị Vũ Thị N và anh Hà Công Q có 01 con chung là cháu Hà Công T, sinh ngày 23/02/2003. Đến ngày xét xử (ngày 25/02/2021) cháu T đã đủ 18 tuổi, đủ năng lực hành vi dân sự, đủ khả năng lao động. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung sau ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vũ Thị N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn); các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Vũ Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị N được ly hôn với anh Hà Công Q.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002927 ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh Hà Công Q không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị N và anh Hà Công Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Y, huyện C, tỉnh T;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phúc An Hoành